

TUẦN 8 Tiết 15: PHÂN BÓN HÓA HỌC

I/Những phân bón hoá học thường dùng :

1/Phân bón đơn:

a/Định nghĩa:

Phân bón đơn chỉ chứa 1 trong 3 nguyên tố dinh dưỡng chính là đạm (N), lân (P), kali (potassium) (K)

b/Một số phân bón đơn thường dùng(sgk trang 38)

2/Phân bón kép :

a/Định nghĩa:

Phân bón kép có chứa 2 hoặc cả 3 nguyên tố dinh dưỡng N,P,K.

-Cách tạo ra phân bón kép : Hỗn hợp những phân bón đơn được trộn với nhau theo một tỉ lệ lựa chọn thích hợp với từng loại cây trồng hoặc tổng hợp trực tiếp bằng phương pháp hoá học

b/Một số phân bón kép thường dùng(sgk trang 38)

3/ Phân bón vi lượng:

Phân bón vi lượng có chứa một số nguyên tố hoá học mà cây cần rất ít nhưng lại cần thiết cho sự phát triển của cây trồng

VD: Đặc sản hoa quả ở một số địa phương như nhãn lồng hưng yên, bưởi năm roi ..Chỉ ngon khi trồng ở địa phương đó. Giống cây trồng đó khi chuyển đến địa phương khác thì không được ngon như trước .Vì sao?

Bởi vì điều khác biệt ở đây là các nguyên tố vi lượng

II/ Bài tập:

*Làm bài tập sgk trang 39

Câu 1:

b) + Phân bón đơn: KCl , NH_4NO_3 , NH_4Cl , $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, $\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2$, $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$

+ Phân bón kép: $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$, KNO_3

c) Phân bón kép NPK: NH_4NO_3 , $(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$, KCl

Câu 3: a) Nguyên tố dinh dưỡng có trong phân bón là đạm (N)

$$\text{b) \%N} = \frac{m_N}{m_{(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4}} \times 100\% = \frac{2.14}{132} \times 100\% = 21,21\%$$

c) 132 gam $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ có 28 gam N

$$500 \text{ gam } (\text{NH}_4)_2\text{SO}_4 \text{ có } \frac{500.28}{132} = 106,06 \text{ gam N}$$

*Sửa bài tập về nhà:

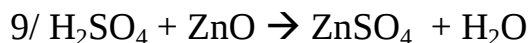
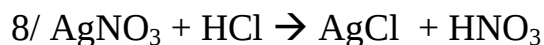
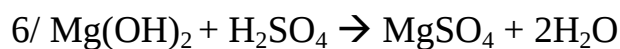
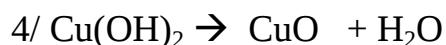
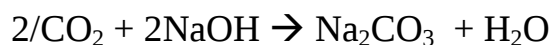
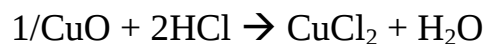
Câu 2: Hoàn thành các pthh sau:

- 1) $\text{Mg}(\text{OH})_2 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{MgSO}_4 + 2\text{H}_2\text{O}$
- 2) $\text{CuSO}_4 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Cu}(\text{OH})_2 + \text{Na}_2\text{SO}_4$
- 3) $\text{BaCO}_3 \rightarrow \text{BaO} + \text{CO}_2$
- 4) $\text{Fe}(\text{OH})_2 \rightarrow \text{FeO} + \text{H}_2\text{O}$
- 5) $\text{AgNO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{AgCl} + \text{HNO}_3$
- 6) $\text{CaCO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{H}_2\text{O} + \text{CO}_2$
- 7) $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2 + \text{K}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{KNO}_3$
- 8) $\text{Al} + 3\text{AgNO}_3 \rightarrow \text{Al}(\text{NO}_3)_3 + 3\text{Ag}$
- 9) $\text{Ca}(\text{OH})_2 + \text{SO}_2 \rightarrow \text{CaSO}_3 + \text{H}_2\text{O}$
- 10) $2\text{NaCl} + 2\text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{NaOH} + \text{H}_2 + \text{Cl}_2$

TUẦN 8 Tiết 16: MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC LOẠI HỢP CHẤT VÔ CƠ

I. Mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ (sgk trang 40)

II. Những phản ứng hoá học minh họa



III. Bài tập

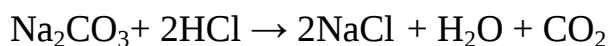
*Làm bài tập sgk trang 41

Câu 1: Chọn b) dd HCl

Vì khi cho dd HCl phản ứng với mỗi mẫu thử của 2 dung dịch:

+ mẫu thử có sinh ra chất khí là Na_2CO_3

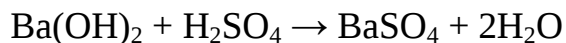
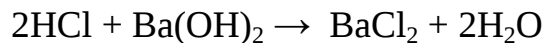
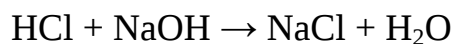
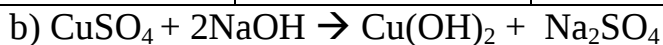
+ mẫu thử còn lại không phản ứng là Na_2SO_4



Câu 2:a)

	NaOH	HCl	H_2SO_4
CuSO_4	x	0	0
HCl	x	0	0

Ba(OH) ₂	0	x	x
---------------------	---	---	---



Câu 3:

